

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (C1 THEO CEFR)
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 5 (Tương đương C1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: C1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 11:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAC1.04.001	211A140217	Trần Lan	Anh	05/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAC1.04.002	211A140425	Nguyễn Trịnh Châu	Anh	04/10/2003	Quảng Ngãi		
3	VHU.TAC1.04.003	211A140289	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	06/04/2003	Đồng Nai		
4	VHU.TAC1.04.004	191A140238	Trần Thành	Đạt	25/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAC1.04.005	211A140079	Lê Ngọc	Hân	26/04/2003	Vĩnh Long		
6	VHU.TAC1.04.006	221A140144	Huỳnh Ngọc	Hân	27/12/2004	Tây Ninh		
7	VHU.TAC1.04.007	201A140258	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15/12/2002	Lâm Đồng		
8	VHU.TAC1.04.008	211A140164	Lê Thị Diễm	Hoà	02/08/2003	Lâm Đồng		
9	VHU.TAC1.04.009	211A140469	Ngô Tuấn	Huy	31/07/2003	Tây Ninh		
10	VHU.TAC1.04.010	221A140479	Lê Thị Mỹ	Kim	07/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAC1.04.011	221A140059	Trần Thị Mỹ	Kim	26/01/2004	Đồng Nai		
12	VHU.TAC1.04.012	181A140436	Nguyễn Thị Thu	Liên	06/06/2000	Đắk Lắk		
13	VHU.TAC1.04.013	221A140339	Ngô Thị	Lợi	05/04/2004	Gia Lai		
14	VHU.TAC1.04.014	221A140492	Nguyễn Ngọc Phương	Ly	29/02/2004	An Giang		
15	VHU.TAC1.04.015	191A140041	Hồ Nguyễn Ngọc	Mẫn	03/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAC1.04.016	211A140275	Lê Quỳnh Diễm	My	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAC1.04.017	191A140139	Nguyễn Thị Kiều	Nga	12/03/2001	Đắk Lắk		
18	VHU.TAC1.04.018	221A140143	Nguyễn Thị Bích	Ngân	21/10/2004	Lâm Đồng		
19	VHU.TAC1.04.019	201A140135	Hồ Thị Kim	Ngân	04/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAC1.04.020	211A140146	Phạm Ngọc Bích	Ngân	03/12/2003	Cà Mau		
21	VHU.TAC1.04.021	191A140074	Trần Phương	Ngân	02/09/2001	Hưng Yên		
22	VHU.TAC1.04.022	221A140061	Trần Thị Bảo	Ngọc	26/1/2004	Đồng Nai		
23	VHU.TAC1.04.023	201A140289	Nguyễn Phạm Yên	Nhi	30/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAC1.04.024	201A140089	Ngô Ngọc Quyển	Nhi	06/08/2002	Đồng Tháp		
25	VHU.TAC1.04.025	211A140305	Nguyễn Cao Quỳnh	Như	21/08/2003	Lâm Đồng		
26	VHU.TAC1.04.026	221A140552	Trương Thị Thu	Oanh	02/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAC1.04.027	211A030806	Nguyễn Trương Bình	Phú	26/09/2003	Quảng Ngãi		
28	VHU.TAC1.04.028	221A140328	Lê Ngọc	Thảo	21/05/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAC1.04.029	221A140468	Lê Thị Thu	Thảo	20/11/2004	Gia Lai		
30	VHU.TAC1.04.030	221A140504	Trần Thị Minh	Thư	03/10/2004	Cà Mau		
31	VHU.TAC1.04.031	221A140203	Trần Thị Thanh	Thư	13/11/2004	Khánh Hoà		
32	VHU.TAC1.04.032	221A140469	Hồ Thị Hoa	Tiên	23/09/2004	Gia Lai		
33	VHU.TAC1.04.033	218A140005	Nguyễn Thành	Trí	05/02/1983	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAC1.04.034	221A140573	Lê Thị Hồng	Trinh	05/11/2004	Khánh Hoà		
35	VHU.TAC1.04.035	171A140060	Nguyễn Quang	Trường	14/12/1998	Thành phố Hải Phòng		
36	VHU.TAC1.04.036	211A140215	Nguyễn Hồ Khả	Tú	27/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAC1.04.037	201A140358	Nguyễn Võ Minh	Tú	25/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAC1.04.038	221A140261	Huỳnh Gia	Tuệ	04/07/2004	Vĩnh Long		
39	VHU.TAC1.04.039	211A140276	Nguyễn Ngọc Khánh	Tường	23/10/2003	Vĩnh Long		
40	VHU.TAC1.04.040	211A140395	Nguyễn Thị Tường	Vi	19/01/2003	Cà Mau		
41	VHU.TAC1.04.041	141A140184	Nguyễn Trần Thảo	Vy	01/01/1995	Đắk Lắk		
42	VHU.TAC1.04.042	221A140508	Nguyễn Hân	Yến	22/10/2004	Vĩnh Long		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà